

**TÀI LIỆU SINH HOẠT CHÍNH TRỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC
NGHIÊN CỨU, QUẢN TRIỆT, TRUYỀN TRUYỀN
“KỶ NGUYÊN MỚI - KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC”**
(Tài liệu ban hành kèm theo Công văn số 1300-CV/BTGTU
ngày 05/02/2025 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

**I. KHÁI NIỆM, CƠ SỞ ĐỊNH VỊ MỤC TIÊU CỦA KỶ NGUYÊN MỚI -
KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC**

1. Khái niệm

1.1. Kỷ nguyên: là một giai đoạn lịch sử được đánh dấu bởi những đặc điểm quan trọng hoặc sự kiện có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội - văn hóa chính trị - tự nhiên. Kỷ nguyên thường được sử dụng để phân chia thời gian trong lịch sử theo những biến cố lớn hoặc có sự thay đổi căn bản trong đời sống chính trị hay khoa học, công nghệ, môi trường. Ví dụ: Kỷ nguyên công nghiệp, Kỷ nguyên thông tin, Kỷ nguyên kỹ thuật số, Kỷ nguyên vũ trụ. Còn trước đây là Kỷ nguyên đồ đá, Kỷ nguyên cổ đại, Kỷ nguyên trung cổ...

1.2. Kỷ nguyên mới: thường được dùng để chỉ một giai đoạn mới với những tiến bộ, đổi mới, hoặc thay đổi đáng kể trong nhiều lĩnh vực như công nghệ, xã hội, kinh tế hay chính trị, mang lại sự thay đổi lớn trong cách con người sống và làm việc. Ví dụ, thời đại số hóa hay kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo được xem là những kỷ nguyên mới với những đổi mới mạnh mẽ trong công nghệ và cách thức con người giao tiếp, làm việc. Kỷ nguyên mới là khoảng thời gian sắp tới, cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu mới, lớn lao; thường bắt đầu từ những cột mốc có tính bước ngoặt là một chặng đường phát triển, gắn với những nỗ lực cho các mục tiêu mới.

1.3. Kỷ nguyên vươn mình: hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại.

1.4. Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu.

2. Nội hàm

Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, kỷ nguyên vươn mình hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để

vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại. Dân tộc Việt Nam đã hội tụ, tích tụ những giá trị nguồn động lực mạnh mẽ cho bước chuyển mình lớn lao - Kỷ nguyên vươn mình. Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã tạo nên và củng cố, giữ gìn cơ đồ giang sơn gấm vóc; hun đúc nên đất nước Việt Nam anh hùng và con người Việt Nam anh hùng, quả cảm, cần cù và sáng tạo, giàu giá trị văn hoá, nhân văn. Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đất nước đã giành lại và củng cố vững chắc nền độc lập; tạo dựng nền hoà bình và thống nhất với những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Công cuộc đổi mới với những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử; đưa đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay; một khí thế mới, đầy khát vọng phát triển nhanh và bền vững. Khởi điểm của kỷ nguyên vươn mình hội tụ những giá trị của dân tộc và thời đại; của truyền thống và đương đại; của vật chất và tinh thần; của thực lực, nội lực và khát vọng. Đổi mới là thời kỳ khởi động, tích lũy năng lượng và chạy đà để dân tộc vươn mình phát triển. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc kế thừa thành quả công cuộc đổi mới và sẽ nâng tầm công cuộc đổi mới và phát triển của đất nước ta.

2.1. *Đích đến của kỷ nguyên vươn mình* là dân giàu, nước mạnh, xã hội Xã hội chủ nghĩa, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

2.2. *Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới* là Đại hội XIV của Đảng, từ đây, mọi người dân Việt Nam, trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng tâm hiệp lực, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh.

Trên thực tế, rất nhiều nội dung, lĩnh vực đang chuyển động mạnh mẽ; nhiều việc không chờ đợi đến Đại hội XIV của Đảng mới bắt đầu.

3. Cơ sở định vị mục tiêu đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

- Những thành tựu vĩ đại đạt được sau gần 80 năm lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giúp Việt Nam tích lũy thế và lực cho sự phát triển bứt phá trong giai đoạn tiếp theo: Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình

độ thấp, bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, hội nhập sâu, rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại, đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế, phát huy vai trò tích cực tại nhiều tổ chức, diễn đàn đa phương quan trọng. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; lợi ích quốc gia, dân tộc được bảo đảm. Quy mô nền kinh tế năm 2023 tăng gấp 96 lần so với năm 1986. Việt Nam trong nhóm 40 nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới, 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và trong nhóm 15 nước thu hút đầu tư nước ngoài nhiều nhất; có quan hệ ngoại giao với 194 nước là thành viên Liên hợp quốc; xây dựng các mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực. Đời sống người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; hoàn thành về đích sớm các mục tiêu Thiên niên Kỷ của Liên hợp Quốc. Tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh không ngừng nâng cao; tham gia đóng góp tích cực duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Thế giới đang trong thời kỳ thay đổi có tính thời đại, từ nay đến năm 2030 là giai đoạn rất quan trọng để xác lập trật tự thế giới mới, đây cũng là thời kỳ cơ hội chiến lược quan trọng, giai đoạn nước rút của cách mạng Việt Nam để đạt mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo tiền đề vững chắc đạt mục tiêu 100 năm thành lập nước. Sự biến chuyển có tính thời đại đem đến thời cơ, thuận lợi mới, đồng thời cũng có nhiều thách thức, trong đó mặt thách thức nổi trội hơn và thời cơ mới còn có thể xuất hiện trong khoảng khắc giữa những thay đổi đột biến của cục diện thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo và công nghệ số đem đến cơ hội mà những quốc gia đang phát triển, chậm phát triển có thể nắm bắt để đi trước đón đầu, phát triển vượt bậc.

Lịch sử cách mạng Việt Nam cho thấy, dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, khơi dậy ý chí tự lực, tự chủ, tự tin, tự cường, tự hào dân tộc, huy động sức mạnh toàn dân kết hợp với sức mạnh thời đại, con thuyền cách mạng Việt Nam đã đạt được những kỳ tích (kỳ tích về một nước dân chủ thuộc địa nửa phong kiến có thể chiến thắng hai đế quốc thực dân hùng mạnh; kỳ tích về một nước từ bị bao vây cấm vận thực hiện thành công công cuộc đổi mới với những thành tựu vĩ đại). Hiện nay là thời điểm ý Đảng hòa quyện với lòng dân trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, sớm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Từ những vấn đề trên, có thể thấy, đây là thời điểm “hội tụ” tổng hòa các lợi thế, sức mạnh để đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tiếp sau Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội và Kỷ nguyên đổi mới.

II. VẬN HỘI VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

1. Vận hội

Gần 95 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, nhân tộc Việt Nam đã trải qua hai kỷ nguyên vẻ vang. Kỷ nguyên thứ nhất là *Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930-1975)*, khởi đầu từ năm 1930 khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dẫn đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và những chiến công vĩ đại trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược (1946-1975) cùng những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc những năm 1954-1975. Kỷ nguyên thứ hai là *Kỷ nguyên thống nhất đất nước, đổi mới, phát triển (1975-2025)*, mở đầu bằng thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, thu non sông về một mối, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội năm 1975, tạo tiền đề vững chắc để đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành công cuộc đổi mới bắt đầu từ Đại hội lần thứ VI của Đảng năm 1986, tạo bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên các lĩnh vực. Và bây giờ, Việt Nam bước vào Kỷ nguyên thứ ba, *Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc* mà thời điểm mở đầu là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, ghi dấu ấn 40 năm đổi mới (1986-2026).

Mỗi kỷ nguyên đều xuất hiện một cách khách quan những yêu cầu lịch sử đòi hỏi quốc gia, dân tộc phải đáp ứng tốt nhất để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã xác định.

Trong *Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930-1975)*, mục tiêu sống còn của Việt Nam là phải xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, trở thành một quốc gia độc lập, tiến lên xây dựng chế độ xã hội mới. Mục tiêu chiến lược đó đặt ra yêu cầu phải tập hợp rộng rãi nhất, phát huy mạnh mẽ nhất sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, đập tan ách thống trị của đế quốc, phong kiến, giành và giữ độc lập, tự do; xây dựng những tiền đề ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, dân tộc Việt Nam đã phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, giải quyết thành công yêu cầu lịch sử và hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến lược.

Trong *Kỷ nguyên thống nhất, đổi mới, phát triển (1975-2025)*, mục tiêu hàng đầu của Việt Nam là phải chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, thoát ra khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, nâng cao đời sống của Nhân dân, xác lập vị thế quốc tế xứng đáng. Mục tiêu chiến lược đó đặt ra yêu cầu lịch sử phải đổi mới toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập quốc tế. Sau gần 50 năm đất nước thống nhất, 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã thực hiện thắng lợi các yêu cầu lịch sử, đổi mới thành công, thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển,

đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo ra thế và lực mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế mới.

Chính những thành tựu lịch sử đạt được qua hai Kỳ nguyên đấu tranh, lao động sáng tạo bền bỉ đã tạo tiền đề, nền tảng vững chắc để Việt Nam bước vào Kỳ nguyên thứ ba: *Kỳ nguyên vươn mình của dân tộc*, khởi đầu từ Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Đây là “Kỳ nguyên phát triển, Kỳ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đích đến của Kỳ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, dân chủ, công bằng, văn minh sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong Kỳ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao”¹. Mục tiêu của Kỳ nguyên thứ ba là sự tích hợp ở tầm cao mới, trình độ mới những mục tiêu của hai Kỳ nguyên trước, phản ánh sự phát triển về chất của mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, của sự vận động biện chứng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Kỳ nguyên mới đặt ra những yêu cầu lịch sử đặc biệt, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần nhận thức sâu sắc, quyết tâm, quyết liệt hành động để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

2. Sứ mệnh lịch sử Kỳ nguyên vươn mình của dân tộc

Đột phá, phát triển tăng tốc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đưa quốc gia, dân tộc lên một tầm cao mới, tiến cùng thời đại

Yêu cầu bao trùm trong kiến tạo kỳ nguyên mới là phải tiến hành đồng thời, thắng lợi một quá trình “đột phá kép”. Một mặt, phải đột phá đi thẳng vào hiện đại, vào những lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ số, mà Việt Nam có lợi thế; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại trên nền tảng chính phủ số, xã hội số, công dân số, tạo sự phát triển vượt bậc về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Mặt khác, phải đột phá trong việc giải quyết triệt để những điểm nghẽn, những yếu kém, hạn chế, những khó khăn đang kìm hãm, cản trở sự phát triển của đất nước. Hai quá trình đột phá này cần phải được tiến hành song song, đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau, trong đó đi tắt, đón đầu, đi thẳng vào hiện đại là cơ bản, có ý nghĩa quyết định; khắc phục, giải quyết những yếu kém, bất cập là cấp bách, quan trọng. Triết lý của quá trình đột phá kép này, như đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm xác định, chính là “tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”². Triết lý chính trị khoa học này được Đảng ta đúc kết từ bài học kinh nghiệm quý báu của

¹ GS, TS Tô Lâm: “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỳ nguyên mới”, báo Nhân Dân, số 25193, ngày 1-11-2024, tr. 2.

² GS, TS Tô Lâm: “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỳ nguyên mới”, Tlđd.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và vận dụng thành công trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam - bài học chủ động tạo thời cơ, nhận thức đúng thời cơ, kiên quyết chớp thời cơ; đánh giá đúng nguy cơ, kiên quyết đẩy lùi nguy cơ, thách thức, chuyên hóa nguy cơ thành thời cơ, giành thắng lợi. Kỷ nguyên mới yêu cầu Đảng ta tiếp tục vận dụng, phát triển sáng tạo hơn nữa, hiệu quả hơn nữa bài học kinh nghiệm quý giá này để tạo sự phát triển đột phá của đất nước.

Đột phá về tư duy, nhận thức

Bước vào *Kỷ nguyên thống nhất, đổi mới, phát triển (1975-2025)*, Đảng ta bắt đầu bằng đổi mới tư duy, nhận thức lại một cách đúng đắn hơn, khoa học hơn quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đột phá lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với những nhận thức rất mới mẻ mà trước đổi mới còn hoàn toàn xa lạ. Chính đột phá tư duy lý luận đã khai mở con đường đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, tạo ra những thành tựu vĩ đại. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc diễn ra song hành với kỷ nguyên số, kỷ nguyên của đổi mới sáng tạo mà tiếng nói chung của nhân loại là “không có gì là không thể”. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các cuộc cách mạng công nghiệp tiếp theo đang và sẽ làm đảo lộn phương cách suy nghĩ, sản xuất, sinh hoạt của các quốc gia, cộng đồng và của mỗi con người. Một lần nữa, thực tiễn lại đòi hỏi và tạo điều kiện để chúng ta đổi mới mạnh mẽ về tư duy, nhận thức. Trên cơ sở kế thừa những tư duy khoa học đã tích lũy được qua 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, chúng ta cần cởi mở, chăm chú, mạnh dạn tiếp thu những tư duy mới, những xu hướng phát triển mới của nhân loại với phương châm tiến kịp, tiến cùng thời đại. Cần có những đột phá lý luận với cách tiếp cận mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về lộ trình và bước đi; về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phù hợp với cuộc cách mạng số, kỷ nguyên số; về hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc trong kỷ nguyên mới...; trên cơ sở đó, đột phá trong định hướng phát triển các lĩnh vực quan trọng của đất nước, đặc biệt là phát triển đột phá về khoa học - công nghệ, về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, phát huy nhân tài; về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam; về quản trị quốc gia; về hiện đại hóa quốc phòng, an ninh, nâng tầm đối ngoại, ngoại giao... Chúng ta kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng trên tinh thần không ngừng sáng tạo; không chủ quan, duy ý chí, nhưng kiên quyết không để chủ nghĩa giáo điều, bảo thủ kìm trói tư duy, nhận thức của chúng ta. “Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung theo tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu phát triển mới về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa của chúng ta, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc

sống”³. Đây thực sự là một cuộc cách mạng - cuộc cách mạng theo chân lý Hồ Chí Minh: cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân là chân lý⁴. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thống nhất nhận thức, quyết tâm đổi mới tư duy, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động, chúng ta nhất định sẽ tạo ra bước phát triển chưa từng có của dân tộc ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đột phá trong huy động, sử dụng tối ưu các nguồn lực còn rất tiềm tàng của đất nước

Việt Nam ta tài nguyên phong phú, các nguồn lực trong dân còn rất dồi dào, các nguồn lực từ bên ngoài theo các dòng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo chính sách đối ngoại, hội nhập đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta rất lớn; nhân dân Việt Nam cần cù, sáng tạo; con người Việt Nam yêu nước, thông minh; nguồn lực vô hình tiềm ẩn trong lợi thế địa chính trị, địa kinh tế của đất nước là vô giá. Chính những nguồn lực to lớn này góp phần quan trọng tạo nên thành tựu vĩ đại của công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn chỉ ra rằng, về vấn đề này, chúng ta còn nhiều khuyết điểm, bất cập. Do những hạn chế của hệ thống thể chế; năng lực lãnh đạo, quản lý và phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên; nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận nhân dân..., nhiều nguồn lực của đất nước còn bị thất thoát, phí phạm, sử dụng kém hiệu quả; năng lực, trí tuệ của con người Việt Nam chưa được khơi phát đúng tầm; lợi thế của đất nước chưa được phát huy tương xứng. Kỷ nguyên mới đòi hỏi phải tạo chuyển biến căn bản về nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn xã hội trong việc giữ gìn, nuôi dưỡng, sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực của đất nước. Từng đồng tiền, bát gạo; từng mét vuông đất, rừng, ngư trường, biên cương; từng vĩa quặng; từng giờ, từng ngày lao động và khả năng của mỗi con người... cần phải được quý trọng, bồi đắp, khai phóng để tạo thành của cải vật chất. Tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, cần kiệm xây dựng đất nước phải trở thành quốc sách; thành nhiệm vụ chính trị của các tổ chức đảng, hệ thống chính trị; thành ý thức, tình cảm, việc làm tự giác của mỗi người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Phát huy đến mức cao nhất các động lực phát triển đất nước, đặc biệt là tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng sáng tạo và cống hiến của toàn thể Nhân dân

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam gần 95 năm qua đã chứng minh hùng hồn, trong những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng, chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết, tinh thần đấu tranh, lao động, sáng tạo của Nhân dân, của con người Việt Nam là nguồn gốc của mọi thắng lợi. Kỷ nguyên mới với những mục tiêu lịch sử đòi hỏi khách quan phải phát huy đến mức cao nhất tinh thần, ý chí,

³ Có Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Dự luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.28.

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr.377.

sức mạnh của Nhân dân - chủ thể đóng vai trò trung tâm của sự nghiệp kiến tạo kỷ nguyên mới. Cần chuyên hóa chủ trương, quyết sách, ý chí của Đảng thành nhận thức, thành cảm hứng hành động, sáng tạo của toàn dân, của mỗi người Việt Nam, khởi nguồn từ việc củng cố, bồi đắp niềm tin của Nhân dân theo nguyên lý: có niềm tin của Nhân dân là có tất cả; mất niềm tin của Nhân dân là mất tất cả. Niềm tin của Nhân dân được bồi đắp, nhân lên từ nhận thức đúng đắn về con đường phát triển của dân tộc do Đảng dẫn đường, chỉ lối; từ sự tôn trọng của Đảng, hệ thống chính trị đối với vai trò làm chủ, quyền làm chủ thật sự của Nhân dân; từ những thành quả thực tiễn của đất nước đem lại những lợi ích thiết thực có thể đo đếm được cho mỗi gia đình, mỗi con người Việt Nam; từ những tấm gương trong sạch, trong sáng, tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nguyên lý: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ; mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích chính đáng của Nhân dân; cần lấy hạnh phúc, sự hài lòng của Nhân dân làm tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên... mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đúc kết cần phải tiếp tục được thể chế hóa, cụ thể hóa và thực thi nghiêm túc trong thực tiễn.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng Đảng thật sự là đạo đức, văn minh, thật sự tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc, của thời đại

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam là chân lý được đúc kết qua lịch sử vẻ vang gần một thế kỷ của Đảng, của dân tộc ta. Là người khởi xướng, lãnh đạo công cuộc kiến tạo kỷ nguyên mới, Đảng ta gánh trên vai sứ mệnh vinh quang, trọng trách nặng nề. Nhân dân đặt niềm tin và kỳ vọng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện: Bản lĩnh về chính trị, thống nhất về tư tưởng, cao về văn hóa, đẹp về đạo đức, khoa học về tổ chức, tiêu biểu về cán bộ, xứng đáng là người cầm lái vĩ đại đưa dân tộc đi đến phồn vinh, hạnh phúc. Nhân dân mong muốn và hy vọng cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, đặc biệt cán bộ cấp chiến lược, thực sự có đức, có tài, biết lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, có năng lực thiết kế, truyền cảm hứng và làm gương để nhân dân noi theo trên cuộc hành trình dựng xây kỷ nguyên mới. Sẽ có rất nhiều việc phải làm, phải làm quyết liệt nhưng vững chắc để có được một hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, của hệ thống chính trị tinh gọn, thống nhất, hợp lý, đồng bộ, thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc kết nối - tương tác - chia sẻ, có khả năng thích ứng cao với thời cuộc luôn thay đổi; để có được một đội ngũ cán bộ, đảng viên liêm khiết, mẫu mực, tiêu biểu hết lòng vì Đảng, vì Dân. Đây thực sự là một cuộc cách mạng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY NAM ĐỊNH

TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐƯA ĐẤT NƯỚC
BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI - KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC
(*Tài liệu ban hành kèm theo Công văn số 1300-CV/BTGTU*
ngày 05/02/2025 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

Hội nghị Trung ương 10, khóa XIII đã thống nhất khẳng định: Việt Nam bước vào kỷ nguyên vườn mình của dân tộc. Đất nước đang đứng trước thời điểm mang tính bước ngoặt quyết định.

Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Với thế và lực đã tích lũy được sau 40 năm đổi mới, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, với những thời cơ, thuận lợi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam”. Định hướng về một kỷ nguyên mới, thể hiện tầm nhìn, tư duy, quan điểm, phương hướng, định hình chiến lược mới của Đảng ta, người đứng đầu Đảng ta trước những chuyển động mạnh mẽ của thời đại. Đây là bước đổi mới của Đảng, cũng là một cột mốc quan trọng trong tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc.

I. Về vai trò lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

1. Tồn tại, hạn chế

- Tình trạng ban hành nhiều văn bản, một số văn bản còn chung chung, dàn trải, trùng lặp, chậm bổ sung, sửa đổi, thay thế.
- Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng không khả thi.
- Mô hình tổng thể của hệ thống chính trị chưa hoàn thiện; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có nội dung chưa rõ; phân cấp, phân quyền chưa mạnh.
- Mô hình tổ chức của Đảng và hệ thống chính trị vẫn còn những bất cập, làm cho ranh giới giữa lãnh đạo và quản lý khó phân định, dễ dẫn đến bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng.
- Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong Đảng còn chậm; hội họp vẫn nhiều.

2. Giải pháp chiến lược để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

- Thực hiện nghiêm phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tuyệt đối không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.
- Tập trung tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của Đảng, thực sự là hạt nhân

trí tuệ, “Bộ Tổng tham mưu”, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan Nhà nước.

- Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng; xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thật sự là các “tế bào” của Đảng.

- Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong các hoạt động của Đảng.

II. Về tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả

1. Yêu cầu cấp thiết của việc tinh gọn bộ máy

- Hiện nay ngân sách dùng để duy trì bộ máy còn lớn, trong khi đó công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian còn bất cập, một bộ phận còn chồng chéo, chồng lấn giữa lập pháp và hành pháp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý.

- Một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin, cho, dễ nảy sinh tiêu cực, tham nhũng.

- Công tác tinh giản biên chế gắn với vị trí việc làm, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức còn thiếu triệt để.

Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến cản trở phát triển, tăng thủ tục hành chính, lãng phí thời gian công sức của doanh nghiệp, công dân, làm lỡ thời cơ phát triển của đất nước.

2. Chủ trương chiến lược

- Tiếp tục tập trung xây dựng, tinh gọn bộ máy tổ chức Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của Đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “Bộ Tổng tham mưu”, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan Nhà nước.

- Cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết, sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương, giữa người quản lý và người lao động. Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước và phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao khả năng tự chủ, tự cường của các địa phương.

- Sơ kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” trong toàn hệ thống chính trị trình Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII; làm cơ sở có những quyết sách mới đổi

mới mạnh mẽ công tác tổ chức, cán bộ theo định hướng đã được Hội nghị Trung ương 10 thống nhất.

III. Về công tác cán bộ

1. Những yêu cầu đặt ra đối với công tác cán bộ

- Cán bộ và công tác cán bộ là vấn đề “rất trọng yếu”, “quyết định mọi việc”, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đang đặt ra cấp thiết.

- Về phẩm chất, yêu cầu đối với cán bộ trong giai đoạn cách mạng mới:

+ Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết.

+ Có bản lĩnh, quyết tâm cao, sẵn sàng dấn thân, hy sinh lợi ích cá nhân. Dám đi đầu, đổi mới, loại bỏ cái cũ, cái lạc hậu; khơi thông điểm nghẽn, giải quyết vướng mắc, ách tắc trong thực tiễn, mang lại hiệu quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; giải quyết những vấn đề sai sót tồn đọng, kéo dài hoặc đột phá đổi mới những vấn đề mới chưa có quy định hoặc quy định chông chéo, thiếu thống nhất, khó thực hiện.

+ Có năng lực cụ thể, tổ chức thực hiện, đưa chủ trương chiến lược của Đảng vào thực tiễn từng ban, bộ, ngành, địa phương (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển hạ tầng chiến lược, cải cách triệt để thủ tục hành chính...).

2. Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới

- Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được.

- Tăng cường tự đào tạo, tự bồi dưỡng, nhất là đối với yêu cầu của chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trên cơ sở phân định rõ người dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung với người phiêu lưu, liêu lĩnh, viển vông, không thực tế; bảo vệ đối với những trường hợp nguy cơ rủi ro, sai sót từ sớm, ngay khi có kế hoạch, không để muộn chểnh.

- Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thử thách đối với các đồng chí là nhân sự được quy hoạch tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, bảo đảm lựa chọn

ra được cấp ủy, nhất là người đứng đầu có năng lực lãnh đạo, có sức chiến đấu cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì sự nghiệp chung, có năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trên từng lĩnh vực, địa bàn.

IV. Về kinh tế

1. Nguy cơ kinh tế Việt Nam rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khó tiệm cận với các nước đang phát triển

- Tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam giảm dần, thấp hơn nhiều nước trong khu vực (giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 4,8%, thấp hơn so với bình quân 3 năm 2016 - 2018 (6,1%), không đạt mục tiêu đề ra (6,5%), trong khi cùng xuất phát điểm với Việt Nam, Trung Quốc đầu những năm 1990 tăng liên tục mỗi năm đều đạt 9%.

- Năng suất các nhân tố tổng hợp - yếu tố quan trọng trong chất lượng tăng trưởng cũng có xu hướng giảm (giai đoạn 2015 - 2019 đạt 2,77%, đứng đầu khu vực ASEAN, năm 2022 là -1,36%, năm 2023 là -2%), cho thấy hiệu quả của nền kinh tế có xu hướng giảm.

- Tăng trưởng của Việt Nam từ năm 2021 đến nay chủ yếu phụ thuộc vào xuất khẩu, trong đó khối FDI chiếm trên 70% (tương đương 60% GDP); các doanh nghiệp này nhập khẩu trên 80% linh kiện, thiết bị, chỉ sử dụng những tư liệu sản xuất giản đơn của Việt Nam, như lao động, đất đai, nguyên vật liệu cơ bản, không giúp Việt Nam xây dựng công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp nội địa có năng lực cạnh tranh cao trong chuỗi giá trị toàn cầu (doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng chỉ là các sản phẩm giản đơn). Khi thời kỳ “dân số vàng” kết thúc (khoảng năm 2027 - 2037), giá nhân công tăng, lợi thế cạnh tranh không còn, FDI dịch chuyển sang nước khác hoặc sụt giảm, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế Việt Nam.

- Tình trạng nhiều cán bộ, công chức sợ trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trong xử lý công việc, sợ đổi mới, không dám nghĩ, dám làm, ảnh hưởng đến chất lượng thực thi công vụ, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế chưa phát huy hiệu quả (nguồn nhân lực còn hạn chế khi năng suất lao động, động lực làm việc của cán bộ quản lý nhà nước giảm sút; nguồn vật lực còn lãng phí, nguồn tài lực chưa được khai thông): Lãng phí trong sử dụng đất đai (trong khi xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai chậm), khoáng sản (chủ yếu khai thác, chế biến thô); chưa hiệu quả trong phát triển hạ tầng giao thông (quy hoạch phát triển hạ tầng sân bay, cảng biển dàn trải, đầu tư manh mún ở nhiều địa phương có vị trí địa lý gần nhau, không có lợi thế khác biệt); mất cân đối về hạ tầng năng lượng; thị trường tài chính, tiền tệ thiếu bền vững khi lượng vốn lớn bị đóng băng vào bất động sản.

2. Nguyên nhân

- Điểm nghẽn về thể chế và hạn chế trong thực thi pháp luật. Tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám làm, né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc lên cơ quan quản lý cấp trên hoặc sang bộ, ngành khác.

- Chuyển đổi mô hình kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu chậm. Đầu tư công tiến độ chậm, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao, còn dàn trải, nhiều lãng phí, chưa phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt hiệu quả các nguồn lực ngoài nhà nước. Hoạt động cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém chậm; tình trạng “sở hữu chéo”, cho vay tín dụng đối với doanh nghiệp “nội bộ”, “sân sau” còn phức tạp và chưa có biện pháp giải quyết triệt để. Xác định các ngành hàng chiến lược, quốc gia giá trị cao chưa được quan tâm.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị thiếu tính kết nối; xây dựng hạ tầng số chậm.

- Kinh tế tư nhân chưa trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, chưa tận dụng tốt các nguồn lực đầu tư nước ngoài.

- Ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ chưa đem lại kết quả rõ nét; chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, thiếu lao động trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, phục vụ phát triển số.

- Các yếu tố bên ngoài tác động tiêu cực, làm gia tăng nguy cơ tụt hậu về kinh tế.

3. Giải pháp, định hướng chiến lược phát triển kinh tế, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu, bẫy thu nhập trung bình

- Đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, nguồn lực trong dân, phát triển khoa học và công nghệ đồng bộ, thông suốt, tất cả vì sự phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội của đất nước và phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là ưu tiên cao nhất.

- Tập trung xây dựng mô hình Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng xây dựng xã hội Xã hội chủ nghĩa mà Cương lĩnh của Đảng đã xác định (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, do Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng Cộng sản lãnh đạo).

- Tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất.

- Khởi xướng và thực hiện cách mạng chuyển đổi số. Đẩy mạnh công nghệ

chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển.

V. Về tăng cường tính đảng trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân

1. Tồn tại, hạn chế

- Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng tính khả thi không cao.

- Hệ thống pháp luật còn có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội, chậm được bổ sung, sửa đổi, thay thế.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa tạo dựng được môi trường thực sự thuận lợi để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút nguồn lực của các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như trong Nhân dân. Trong 3 điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực, thì thể chế là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn”, đặt ra yêu cầu cấp thiết phát huy tính đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Về quan điểm: Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải liên tục được hoàn thiện để thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, phát huy dân chủ, vì con người, công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

2. Về giải pháp, đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp

- Chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Tư duy quản lý không cứng nhắc, dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”.

- Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc; không cần quá dài. Những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao Chính phủ, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt trong điều hành. Tuyệt đối không hành chính hóa hoạt động của Quốc hội; luật hóa các quy định của nghị định và thông tư.

- Đổi mới quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật. Bám sát thực tiễn, đứng trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam để xây dựng các quy định pháp luật phù hợp; vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không nóng vội, nhưng cũng không cầu toàn, để mất thời cơ; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; thường xuyên đánh giá hiệu quả, chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập, mâu thuẫn, giảm thiểu thất thoát, lãng phí các nguồn lực; chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

- Tập trung kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm”.

- Chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, xu hướng mới (nhất là những vấn đề liên quan đến Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...) tạo khung khổ pháp lý để thực hiện thành công cuộc cách mạng về chuyển đổi số, tạo đột phá cho phát triển đất nước những năm tiếp theo.

VI. Chuyển đổi số

1. Tồn tại, hạn chế

- Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa thực sự đồng bộ, còn chồng chéo, chưa tạo môi trường thực sự thuận lợi để thu hút các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân.

- Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn hạn chế. Vẫn tồn tại những thủ tục hành chính rườm rà, lạc hậu, qua nhiều khâu, nhiều cửa, mất nhiều thời gian, công sức của người dân và doanh nghiệp, dễ nảy sinh tham nhũng vặt, cản trở phát triển.

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu quốc gia chưa thông suốt; nhiều dịch vụ công trực tuyến chất lượng thấp, tỷ lệ người sử dụng chưa cao; việc tổ chức vận hành bộ phận “một cửa” các cấp ở nhiều nơi chưa hiệu quả.

2. Giải pháp chủ yếu

- Tập trung xây dựng hành lang pháp lý cho phát triển số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... bảo đảm khung pháp lý không trở thành rào cản của sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

- Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức. Mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số.

VII. Chống lãng phí

1. Một số dạng thức của lãng phí đang nổi lên gay gắt hiện nay

- Chất lượng xây dựng, hoàn thiện pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến khó khăn, cản trở việc thực thi, gây thất thoát, lãng phí các nguồn lực.

- Lãng phí thời gian, công sức của doanh nghiệp, cá nhân khi thủ tục hành chính rườm rà, dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện và thông suốt.

- Lãng phí cơ hội phát triển của địa phương, của đất nước do bộ máy nhà nước có nơi, có lúc hoạt động chưa hiệu quả, một bộ phận cán bộ thiếu năng lực, né tránh, đùn đẩy công việc, sợ trách nhiệm; do chất lượng, năng suất lao động thấp.

- Lãng phí tài nguyên thiên nhiên; lãng phí tài sản công do quản lý, sử dụng chưa hiệu quả, trong đó giải ngân vốn đầu tư công; cổ phần hóa, xử lý thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước; sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước; thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia, các gói tín dụng hỗ trợ phát triển an sinh xã hội hầu hết rất chậm.

- Lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của nhân dân diễn ra dưới nhiều hình thức.

- Lãng phí do hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ, một số chưa phù hợp thực tế nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung. Trong khi đó, xử lý lãng phí chưa được đề cao, thường gắn với xử lý tham nhũng như hệ lụy kéo theo; chưa tạo được phong trào thi đua rộng khắp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng như dư luận xã hội mạnh mẽ để phê phán, lên án những hành vi gây lãng phí; việc xây dựng văn hóa tiết kiệm, không lãng phí trong xã hội chưa được quan tâm đúng mức.

2. Giải pháp chiến lược những năm tới

- Đẩy mạnh phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Từ ban hành quy định của Đảng để nhận diện, chiến lược quốc gia, quy định của pháp luật và thực thi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công theo tinh thần “xử lý một vụ cảnh tỉnh cả vùng, cả lĩnh vực”.

- Rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Hoàn thiện các quy định xử lý hành vi lãng phí; các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; thể chế

trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ trong chuyển đổi để giảm thiểu lãng phí.

- Giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn; các ngân hàng thương mại yếu kém. Sớm hoàn thành cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- Xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”, “com ăn nước uống, áo mặc hàng ngày”./.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY NAM ĐỊNH